

**Biểu mẫu 01**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI XANH**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024**

| STT | Nội dung                                                            | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li> <li>- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở Nhà trẻ</li> <li>- Thực hiện được các vận động cơ bản theo độ tuổi.</li> <li>- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể).</li> <li>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.</li> <li>- Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi</li> <li>-Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.</li> <li>- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.</li> <li>- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.</li> <li>- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</li> <li>- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.</li> </ul> <p>* Trẻ phát triển bình thường: 85%</p> |
| II  | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện              | <p>Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Điều lệ trường mầm non)</p> <p>Chương trình GDMN theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non.</p>                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Điều lệ trường mầm non)</p> <p>Chương trình GDMN theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| III | Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thể chất: 80%</li> <li>- Phát triển nhận thức: 80%</li> <li>- Phát triển ngôn ngữ: 75%</li> <li>- Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 75%</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thể chất: 90%</li> <li>- Phát triển nhận thức: 85%</li> <li>- Phát triển ngôn ngữ: 85%</li> <li>- Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: 90%</li> <li>- Phát triển thẩm mỹ: 85%</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| IV  | Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non | <p>* <i>Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.</li> <li>- Khẩu phần dinh dưỡng đạt 651- 744 Kcal/ngày tại trường.</li> <li>- Trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng.</li> <li>- Khám sức khỏe định kỳ: 2lần/năm.</li> </ul>                                                                                                                                                 | <p>* <i>Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.</li> <li>- Khẩu phần dinh dưỡng đạt 799 - 861 Kcal/ngày tại trường.</li> <li>- Trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>- Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi.</p> <p><i>* Giáo dục</i></p> <p>+ Chú trọng xây dựng môi trường trong và ngoài nhóm lớp phù hợp theo quan điểm giáo dục LTLTT.</p> <p>+ Trang trí phòng nhóm theo dạng mở, đáp ứng nhu cầu của trẻ và mục đích giáo dục</p> <p>+ Sân chơi rộng rãi và sắp xếp đồ chơi khoa học</p> <p>+ Trường trồng nhiều loại hoa, cây cảnh cho trẻ khám phá.</p> <p>- Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục: tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt các kỹ năng cần đạt theo độ tuổi.</p> | <p>- Khám sức khỏe định kỳ: 2lần/năm.</p> <p>- Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. - Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh tại đơn vị.</p> <p><i>* Giáo dục</i></p> <p>-Xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ theo tiêu chí GD LTLTT và tổ chức các hoạt động giáo dục theo phương pháp giáo dục LTLTT</p> <p>+ Xây dựng môi trường trong và ngoài nhóm lớp phù hợp theo quan điểm giáo dục LTLTT.</p> <p>+ Trang trí phòng nhóm theo dạng mở, đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ tạo điều kiện cho trẻ chơi mà học, học bằng chơi phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp, phát huy tính tích cực chủ động của trẻ.</p> <p>+ Sân chơi rộng rãi và sắp xếp khoa học đồ chơi ngoài trời</p> <p>+ Trồng nhiều loại hoa, cây cảnh, bố trí phù hợp cho trẻ khám phá, trải nghiệm.</p> <p>+ Chú trọng hoạt động trải nghiệm khám phá.</p> <p>+ Chú trọng hình thành các kỹ năng tự phục vụ, tính tự lập và hình thành thói quen nề nếp tốt sẵn sàng bước vào lớp 1.</p> <p>+ Hỗ trợ, hướng dẫn trẻ khai thác hiệu quả môi trường giáo dục.</p> <p>- Giáo viên tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt các kỹ năng cần đạt phù hợp với từng độ tuổi.</p> |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Chánh Nghĩa, ngày 20 tháng 05 năm 2024

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Mỹ Duyên**

Biểu mẫu 02

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI XANH

THÔNG BÁO  
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

| STT        | Nội dung                                                         | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                  |                  | Mẫu giáo  |           |            |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------|-----------|-----------|------------|
|            |                                                                  |                | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi  | 4-5 tuổi  | 5-6 tuổi   |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | <b>301</b>     | <b>0</b>        | <b>0</b>         | <b>22</b>        | <b>57</b> | <b>98</b> | <b>124</b> |
| 1          | Số trẻ em nhóm ghép                                              | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0         | 0          |
| 2          | Số trẻ em học 1 buổi/ngày                                        | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0         | 0          |
| 3          | Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                        | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0         | 0          |
| 4          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0         | 0          |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | <b>301</b>     | <b>0</b>        | <b>0</b>         | <b>22</b>        | <b>57</b> | <b>98</b> | <b>124</b> |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  | <b>301</b>     | <b>0</b>        | <b>0</b>         | <b>22</b>        | <b>57</b> | <b>98</b> | <b>124</b> |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | <b>301</b>     | <b>0</b>        | <b>0</b>         | <b>22</b>        | <b>57</b> | <b>98</b> | <b>124</b> |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    | <b>301</b>     | <b>0</b>        | <b>0</b>         | <b>22</b>        | <b>57</b> | <b>98</b> | <b>124</b> |
| 1          | Số trẻ cân nặng bình thường                                      | 284            | 0               | 0                | 21               | 54        | 91        | 118        |
| 2          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                                | 0              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0         | 0          |
| 3          | Số trẻ có chiều cao bình thường                                  | 284            | 0               | 0                | 21               | 54        | 91        | 118        |
| 4          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                               | 1              | 0               | 0                | 0                | 0         | 0         | 1          |
| 5          | Số trẻ thừa cân béo phì                                          | 16             | 0               | 0                | 1                | 3         | 7         | 5          |
| <b>VI</b>  | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>          | <b>301</b>     | <b>0</b>        | <b>0</b>         | <b>22</b>        | <b>57</b> | <b>98</b> | <b>124</b> |
| 1          | Chương trình giáo dục nhà trẻ                                    | 22             | 0               | 0                | 22               | 0         | 0         | 0          |
| 2          | Chương trình giáo dục mẫu giáo                                   | <b>279</b>     | <b>0</b>        | <b>0</b>         | <b>0</b>         | <b>57</b> | <b>98</b> | <b>124</b> |

Chánh Nghĩa, ngày 20 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

**Biểu mẫu 03**

**PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**TRƯỜNG MẦM NON TUỔI XANH**

**THÔNG BÁO**

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

| STT        | Nội dung                                                                           | Số lượng               | Bình quân                   |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số phòng</b>                                                               | 12                     | 0.45 m <sup>2</sup> /trẻ em |
| <b>II</b>  | <b>Loại phòng học</b>                                                              | 12                     | -                           |
| 1          | Phòng học kiên cố                                                                  | 12                     | -                           |
| 2          | Phòng học bán kiên cố                                                              | 0                      | -                           |
| 3          | Phòng học tạm                                                                      | 0                      | -                           |
| 4          | Phòng học nhờ                                                                      | 0                      | -                           |
| <b>III</b> | <b>Số điểm trường</b>                                                              | 1                      | -                           |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>                              | 3.129,9 m <sup>2</sup> |                             |
| <b>V</b>   | <b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>                                     | 1.169,3 m <sup>2</sup> |                             |
| <b>VI</b>  | <b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>                                            |                        |                             |
| 1          | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )                                  | 55.05 m <sup>2</sup>   |                             |
| 2          | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )                                              | 55.05 m <sup>2</sup>   |                             |
| 3          | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )                                          | 14.013 m <sup>2</sup>  |                             |
| 4          | Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )                                              | 41.42 m <sup>2</sup>   |                             |
| 5          | <i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>                           | 60.80 m <sup>2</sup>   |                             |
| 6          | <i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i> | 60.80 m <sup>2</sup>   |                             |
| 7          | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )                                         | 186.765 m <sup>2</sup> |                             |
| <b>VII</b> | <b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>              | 12                     | Số bộ/nhóm (lớp)            |
| 1          | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định                   | 12                     |                             |
| 2          | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định               | 0                      |                             |

|             |                                                                                                                                 |    |                                      |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------|
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>                                                                                               | 4  | Số bộ/sân chơi (trường)              |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )</b> | 40 | Máy tính, ti vi, Bộ Màn hình cảm ứng |
| <b>X</b>    | <b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>                     | 0  | Số thiết bị/nhóm (lớp)               |

|           |                         | Số lượng (m <sup>2</sup> ) |                   |        |                           |        |
|-----------|-------------------------|----------------------------|-------------------|--------|---------------------------|--------|
| <b>XI</b> | <b>Nhà vệ sinh</b>      | Dùng cho giáo viên         | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |        |
|           |                         |                            | Chung             | Nam/Nữ | Chung                     | Nam/Nữ |
| 1         | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 12                         | 12                | 12     | 14.013                    | 14.013 |
| 2         | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | 0                          | 0                 | 0      | 0                         | 0      |

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

|             |                                                             | Có | Không |
|-------------|-------------------------------------------------------------|----|-------|
| <b>XII</b>  | <b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>                     | x  |       |
| <b>XIII</b> | <b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>                   | x  |       |
| <b>XIV</b>  | <b>Kết nối internet</b>                                     | x  |       |
| <b>XV</b>   | <b>Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục</b> | x  |       |
| <b>XVI</b>  | <b>Tường rào xây</b>                                        | x  |       |

Chánh Nghĩa, ngày 20 tháng 05 năm 2024  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu mẫu 04

PHÒNG GDĐT THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

TRƯỜNG MẦM NON TUỔI XANH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non,  
năm học 2022-2023

| STT        | Nội dung                                              | Tổng số | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |         | Chuẩn nghề nghiệp |     |            |     |
|------------|-------------------------------------------------------|---------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|----------|---------|-------------------|-----|------------|-----|
|            |                                                       |         | TS               | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV                    | Hạng III | Hạng II | Xuất sắc          | Khá | Trung bình | Kém |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | 35      | 0                | 1   | 13 | 4  | 6  | 11      | 4                          | 11       | 5       | 9                 | 14  | 0          | 0   |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      | 20      | 0                | 0   | 10 | 4  | 6  | 0       | 4                          | 9        | 4       | 6                 | 14  | 0          | 0   |
| 1          | Nhà trẻ                                               | 2       | 0                | 0   | 0  | 0  | 2  | 0       | 2                          | 0        | 0       | 0                 | 02  | 0          | 0   |
| 2          | Mẫu giáo                                              | 18      | 0                | 0   | 10 | 4  | 4  | 0       | 2                          | 9        | 4       | 6                 | 12  | 0          | 0   |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 | 3       | 0                | 1   | 2  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 2        | 1       | 3                 | 0   | 0          | 0   |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 1       | 1                 | 0   | 0          | 0   |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 2       | 0                | 1   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 2        | 0       | 2                 | 0   | 0          | 0   |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      | 12      | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 11      | 0                          | 0        | 0       |                   |     |            |     |
| 1          | Nhân viên văn thư                                     | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       |                   |     |            |     |
| 2          | Nhân viên kế toán                                     | 1       | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       |                   |     |            |     |
| 3          | Thủ quỹ                                               | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       |                   |     |            |     |
| 4          | Nhân viên y tế                                        | 0       | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       |                   |     |            |     |
| 5          | Nhân viên khác                                        | 11      | 0                | 0   | 0  | 0  | 0  | 11      | 0                          | 0        | 0       |                   |     |            |     |

Chánh Nghĩa, ngày 20 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)